

Bản án số: 54/2024/DS-PT

Ngày: 29-01-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc;

Ông Nguyễn Văn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 v/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1967; địa chỉ: xã Ph, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1971; địa chỉ: Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (theo Văn bản ủy quyền đề ngày 12/7/2023)(có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; địa chỉ: xã Ph, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Minh O, sinh năm 1988; địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (theo Văn bản ủy quyền đề ngày 22/6/2023) (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Ng và bà H có quan hệ quen biết, làm ăn nên bà Ng có cho bà H vay tiền nhiều lần từ năm 2021, cụ thể như sau:

+ Ngày 24/11/2021, bà H vay bà Ng số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 02%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả;

+ Ngày 17/11/2021 (AL), bà H vay bà Ng số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 02%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả;

+ Ngày 17/3/2022, bà H vay bà Ng số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, thỏa thuận miệng lãi suất 02%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả;

+ Ngày 15/11/2022 AL, bà H vay của bà Ng số tiền 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả

Các lần vay ngày 24/11/2021, 17/11/2021 (AL), 17/3/2022, bà H tự viết, tự ký tên vào cùng 01 tờ giấy mượn tiền, không cầm cố, thế chấp tài sản gì. Lần vay ngày 15/11/2022 AL, bà H tự viết, tự ký vào tờ giấy mượn tiền và đưa cho bà Ng giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản là nhà, đất của bà H, thửa đất 191, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.368m², tọa lạc tại xã Ph, Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo Giấy CNQSDĐ số H01274 do UBND Huyện D cấp ngày 11/5/2006 cho ông Nguyễn Văn Huông và bà Nguyễn Thị Thu H.

Quá trình vay, bà H có đóng lãi cho bà Ng số tiền 204.000.000 (hai trăm lẻ bốn triệu) đồng cho các khoản vay ngày 24/11/2021, 17/11/2021 (AL), 17/3/2022 và đóng lãi số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng cho khoản vay ngày 15/11/2022 AL thì không còn khả năng đóng lãi. Bà Ng đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại số tiền gốc đã vay, đóng tiền lãi nhưng bà H không thực hiện nên bà Ng khởi kiện yêu cầu bà H trả lại cho bà Ng số tiền nợ gốc 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 1.5%/tháng kể từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm và số tiền nợ gốc 950.000.000 (chín trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 02%%/tháng kể từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm. Bà Ng đồng ý khấu trừ các khoản tiền lãi mà bà H đã đóng cho bà Ng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Ng xác định bà Ng còn thiếu bà H số tiền 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng nên đồng ý khấu trừ số tiền 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng vào số tiền bà H còn phải trả lại cho bà Ng.

Về tiền hui, bà Ng có tham gia 02 phần, dây hui 5.000.000 đồng, mở ngày 25/5/2021 (DL), gồm 28 phần do bà H làm chủ thảo. Quá trình tham gia dây hui, bà Ng đóng hui đầy đủ. Ngày 25/3/2023, bà Ng hốt 01 phần nên bà H phải đăng

cho bà Ng số tiền 118.900.000 (một trăm mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng nhưng bà H không đăng hui cho bà Ng mà chỉ lập giấy đăng hui, ghi rõ chưa thanh toán cho bà Ng. Ngày 25/7/2023, bà Ng hốt phần hui thứ hai được 132.500.000 (một trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng và bà H cũng không đăng hui cho bà Ng. Do đó, bà Ng khởi kiện yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà Ng số tiền hui gồm 118.900.000 đồng và 132.500.000, tổng cộng là 251.400.000 (hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Ng xác định bà Ng đã hốt hui vào tháng 11/2022, được số tiền 112.700.000 (một trăm mười hai triệu bảy trăm nghìn) đồng, bà H chưa đăng số tiền này cho bà Ng nên bà Ng yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà Ng 02 phần hui gồm phần hui tháng 11/2022 là 112.700.000 đồng và phần hui tháng 3/2023 là 118.900.000 đồng, tổng cộng 231.600.000 (hai trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bà Ng đồng ý khấu trừ 05 tháng hui chết còn phải đóng lại cho bà H là 50.000.000 đồng, bà H còn phải trả cho bà Ng số tiền 181.600.000 (một trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về tiền vay, khoảng tháng 10/2020, bà H có vay của bà Ng số tiền 1.200.000.000 đồng. Khi vay, có lập giấy nợ nhưng đã trả nợ xong thì hủy giấy nợ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày, lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Thực tế đến 42 ngày thì bà H mới trả lại cho bà Ng số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng. Còn lại tiền lãi tính ra 151.200.000 đồng nhưng bà H chỉ trả lại cho bà Ng 1.200.000 đồng. Còn lại số tiền 150.000.000 đồng lãi thì chuyển thành gốc. Bà H có viết giấy nợ đề ngày 24/11/2020 nhưng ghi nhầm thành 2021, bà H nhận nợ 150.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ số tiền 150.000.000 đồng, bà H đóng lãi đầy đủ mỗi tháng cho bà Ng số tiền 13.500.000 đồng. Việc đóng lãi không lập giấy tờ, không có ai chứng kiến.

Đến ngày 23/4/2021, bà H vay tiếp 800.000.000 đồng của bà Ng mục đích mua đất của ông Nguyễn Minh Nghĩa. Khi vay có lập giấy nợ nhưng cũng đã hủy giấy nợ gốc sau khi trả tiền xong. Hai bên thỏa thuận lãi là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả. Khoảng 200 ngày sau đó, 02 bên tính lãi thành tiền là 480.000.000 đồng. Bà H trả lại cho bà Ng số tiền gốc 800.000.000 đồng và 80.000.000 đồng là tiền lãi. Còn lại số tiền 400.000.000 đồng là tiền lãi thì hai bên thỏa thuận chuyển thành tiền gốc, viết giấy nhận nợ đề ngày 17/11/2021 AL.

Sau đó, cộng 02 lần vay đợt 1 còn lại là 150.000.000 đồng và vay đợt 2 còn lại là 400.000.000 đồng, tổng cộng là 550.000.000 đồng. Hai bên không lập giấy chốt nợ, chỉ thỏa thuận lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả. Bà H đóng lãi đầy đủ cho bà Ng và đã trả cho bà Ng số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng, không lập giấy tờ gì, không ai chứng kiến nên bà H còn nợ bà

Ng số tiền 300.000.000 đồng, không lập giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận lại lãi bằng miệng là 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Đến ngày 17/3/2022, bà H vay tiếp của bà Ng số tiền 400.000.000 đồng. Bà H có ghi và ký vào giấy nợ đưa cho bà Ng giữ, thỏa thuận lãi 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả. Gộp với số tiền 300.000.000 đồng còn lại của đợt 1, đợt 2 và 400.000.000 đồng của đợt 3, tổng cộng bà H nợ bà Ng số tiền 700.000.000 đồng. Hai bên không chốt nợ, không lập biên bản gì đối với số tiền 700.000.000 đồng nhưng vẫn giữ nguyên thỏa thuận lãi là 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Đến ngày 15/11/2022 AL, nhằm ngày 08/12/2022 DL hai bên chốt nợ như sau: 700.000.000 đồng tiền nợ gốc, 217.000.000 đồng là lãi của số tiền 700.000.000 đồng và 117.900.000 đồng là tiền hui. Tổng cộng là 1.034.900.000 đồng. Bà H đã trả cho bà Ng số tiền 34.000.000 đồng nên chỉ chốt lại số nợ là 1.000.900.000 đồng.

Tóm lại, số tiền bà Ng khởi kiện 950.000.000 đồng đã được chốt lại trong giấy nợ ngày 15/11/2022 AL do sơ suất nên bà H không lấy giấy nợ gốc về. Bà H có yêu cầu bà Ng xóa giấy nợ này nhưng bà Ng không thực hiện mà lấy giấy nợ cũ ra kiện nên bà H không đồng ý trả cho bà Ng số tiền 950.000.000 đồng. Giấy chốt nợ ngày 15/11/2022 AL, bà H nhận còn nợ bà Ng số tiền 1.000.900.000 (một tỷ chín trăm nghìn) đồng nên đồng ý trả lại cho bà Ng số tiền 1.000.900.000 (một tỷ chín trăm nghìn) đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày chốt nợ.

Về tiền hui, bà H thừa nhận bà Ng có tham gia 02 phần, đây hui 5.000.000 đồng, mở ngày 25/5/2021 (DL), gồm 28 phần do bà H làm chủ thảo. Bà Ng hót một phần hui vào ngày 25/3/2023 được số tiền 118.900.000 (một trăm mười tám triệu chín trăm nghìn) đồng nhưng chưa trừ 5 tháng hui chết của 02 phần hui mà bà Ng còn phải đóng lại cho chủ hui là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Về phần hui còn lại, bà Ng đã hót hui vào ngày 25/11/2022 được số tiền 117.900.000 (một trăm mười bảy triệu chín trăm nghìn) đồng, bà H có đăng hui cho bà Ng nhưng không giao tiền mà cộng vào tờ giấy nhận nợ ngày 15/11/2022 AL rồi nên bà H không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng về phần hui thứ hai. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H xác định bà H tính toán sai nên phần hui bà H phải đăng cho bà Ng vào ngày 25/3/2023 là 119.000.000 (một trăm mười chín triệu) đồng. Nay bà H đồng ý trả lại bà Ng số tiền 119.000.000 (một trăm mười chín triệu) đồng, trừ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng hui chết, bà H còn phải trả cho bà Ng số tiền 69.000.000 (sáu mươi chín triệu) đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ng đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi*”

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ng số tiền 3.231.358.000 (ba tỷ hai trăm ba mươi một triệu ba trăm năm mươi tám nghìn) đồng, trong đó gồm: 2.805.708.000 (hai tỷ tám trăm lẻ năm triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) là nợ gốc; 244.050.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền lãi và 181.600.000 (một trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn) đồng là tiền hụi.

2. Bà Huỳnh Thị Ng có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H bản chính Giấy CNQSDĐ số H01274 do UBND Huyện D cấp ngày 11/5/2006 cho ông Nguyễn Văn Huông và bà Nguyễn Thị Thu H đối với diện tích đất 2.368m², thửa đất 191, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Ph, Huyện D, tỉnh Tây Ninh

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo đề ngày 05 tháng 10 năm 2023 của các bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết: Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho bà Huỳnh Thị Ng 1.205.900.000 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ năm triệu chín trăm ngàn đồng.) và buộc bà Ng trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H bản chính giấy CNQSDĐ số H01274 do UBND huyện D cấp ngày 11-5-2006 cho ông Nguyễn Văn Huông và bà Nguyễn Thị Thu H đối với diện tích 2.368 m² thửa 191, tờ bản đồ 13, tại Phước Lộc A, xã Phước Minh, huyện D, tỉnh Tây Ninh

Tại phiên tòa đại diện bị đơn trình bày: Bà H với bà Ng có mối quan hệ vay tiền với nhau nhiều lần từ tháng 10 năm 2020. Cụ thể là ngày 24/11/2021, bà H vay bà Ng số tiền 150.000.000 đồng; ngày 17/11/2021 (AL), bà H vay bà Ng số tiền 400.000.000 đồng; ngày 17/3/2022, bà H vay bà Ng số tiền 400.000.000 đồng. Đến ngày 15/11/2022 AL, bà H và bà Ng tính chốt với số nợ hụi lần 1 : 117.900.000 đồng và số nợ hụi lần 2 : 69.000.000 đồng thành số tiền tổng là 1.000.900.000 (một tỷ chín trăm nghìn) đồng. Tại lần hòa giải ở cấp sơ thẩm thì bà Ng, bà H đã thống nhất có việc sai sót trong quá trình ghi nợ nên thống nhất số tiền 1.900.000.000 đồng thành 1.450.000.000 đồng. Vì vậy bà H xác định bà H thiếu bà Ng số tiền 1.205.900.000 đồng (trong đó tiền vay là 1.000.900.000 đồng; tiền hụi 69.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 136.000.000 đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

Đại diện nguyên đơn trình bày : Việc vay tiền giữa bà Ng với bà H là thường xuyên, vì bà H là cò kinh doanh bất động sản, nên cứ vay rồi trả; phần nào trả xong thì hủy giấy nợ. Số tiền vay ngày 15-11-2022 AL là 1.900.000.000 đồng chứ không phải 1.000.900.000 đồng và không có cộng dồn số nợ vào hết. Hai bên cũng thừa nhận bà H có trả được 01 tháng lãi theo thỏa thuận là 1,5%/ tháng là

tương ứng số tiền 28.500.000 đồng (phù hợp lời khai của hai bên). Sau đó bà Ng có khởi kiện bổ sung khoảng tiền 950.000.000 đồng thể hiện tại các giấy nợ ngày 24/11/2021, ngày 17/11/2021 (AL), ngày 17/3/2022 thì bà Ng cũng có thay đổi yêu cầu tính lãi suất. Vì vậy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Căn cứ các giấy vay tiền vào ngày 24/11/2021, bà H vay bà Ng số tiền 150.000.000 đồng; ngày 17/11/2021 (AL), bà H vay bà Ng số tiền 400.000.000 đồng; ngày 17/3/2022, bà H vay bà Ng số tiền 400.000.000 đồng. Bà H thừa nhận chính bà là người viết và tự ký tên vào các giấy nợ. Bà H cho rằng đã chốt các khoản vay trên vào giấy vay ngày 15-11-2022 AL nhưng không thể hiện nội dung chốt nợ, bà Ng không thừa nhận. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu với số tiền 950.000.000 đồng cùng lãi suất là có căn cứ.

Với số tiền 1.900.000.000 đồng ngày 15-11-2022 AL, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 1,5%/tháng. Bà H cũng thừa nhận chữ do bà viết và ký tên, tuy nhiên trong đó là chốt các khoản nợ khác vào và do bà không rành chữ số nên có nhầm số 1.000.900.000đ thành 1.900.000.000đ và viết bằng chữ thì thể hiện (một tỷ chín trăm nghìn đồng). Xét thấy nội dung giấy nợ ngày 15-11-2022 AL không có nội dung chốt các khoản nợ; về chữ số 1.900.000.000đ không có sự tẩy xóa, sửa chữa và hai bên thống nhất có trả 01 tháng lãi 28.500.000 đồng tương ứng với mức lãi suất 1,5%/ tháng trên số tiền 1.900.000.000đ. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện số tiền 1.900.000.000 đồng và tính lãi suất là đúng pháp luật.

Về tiền hui bà H không kháng cáo.

Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm ngày 29-9-2023 bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo ngày 05-10-2023; có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; Xét thấy việc kháng cáo là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo thấy rằng:

[2.1] Chị H kháng cáo, chị cho rằng chị chỉ nợ chị Ng các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Nợ gốc 1.000.900.000 đồng (Một tỷ chín trăm ngàn đồng) theo giấy nợ ngày 15-11-2022 AL. Trong đó bao gồm tiền nợ đợt 1 ngày 24-11-2020: 150.000.000 đồng; đợt 2 ngày 17-11-2021 AL 400.000.000 đồng; đợt 3 ngày 17-3-2022 là 400.000.000 đồng và 117.900.000 đồng tiền hui phần 1.

+ Tiền lãi khoảng 136.000.000 đồng tiền lãi trên nợ gốc 1.000.900.000 đồng theo thỏa thuận 1,5%, tính từ ngày chốt nợ 08-12-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 29-9-2023

+ Tiền hui phần 2 đăng ngày 25-3-2023 là 69.000.000 đồng.

[2.2] Đối với số tiền vay 950.000.000 đồng: Theo giấy nợ ngày 24/11/2021, bà H vay bà Ng 150.000.000; ngày 17-11-2021 (AL), bà H vay bà Ng 400.000.000 đồng; ngày 17-3-2022, bà H vay bà Ng 400.000.000 được bà H thừa nhận chữ viết và chữ ký trên các giấy nợ là của bà.

Bà H cho rằng tất cả các số tiền này đã được chốt nợ vào giấy nợ đề ngày 15-11-2022 AL nhưng do sơ suất mà bà H không yêu cầu hủy giấy mượn tiền đề các ngày 24-11-2021, 17-11-2021 (AL), 17-3-2022 sau khi đã chốt nợ. Nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà về việc chốt nợ đối với các giấy mượn tiền trên. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng đối với số tiền 950.000.000 đồng tiền gốc và tính tiền lãi như cấp sơ thẩm đã tính là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với số tiền vay 1.900.000.000 đồng:

Bà H thừa nhận chữ viết, chữ ký trên giấy mượn tiền đề ngày 15/11/2022 AL là do bà H tự viết, tự ký. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H cho rằng giấy mượn tiền đề ngày 15/11/2022 AL là giấy chốt nợ, bà Ng không đưa cho bà H số tiền nào vào ngày chốt nợ này. Và bà H chỉ chốt nợ với bà Ng số tiền 1.000.900.000 (một tỷ chín trăm nghìn) đồng, thỏa thuận lãi suất 1,5 %, do bà không biết số nên viết số nhầm.

Tại đơn kháng cáo bà H cho rằng bà có nợ bà Ng 1.000.900.000 đồng (Một tỷ chín trăm ngàn đồng) theo giấy nợ ngày 15-11-2022 AL. Trong đó bao gồm tiền nợ đợt 1 ngày 24-11-2020: 150.000.000 đồng; đợt 2 ngày 17-11-2021 AL 400.000.000 đồng; đợt 3 ngày 17-3-2022 là 400.000.000 đồng và 117.900.000 đồng tiền hui phần 1. Nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho rằng giấy nợ ngày 15-11-2022 là giấy chốt nợ các khoản nợ trên.

Việc xác định là bà H nợ 1.900.000.000 đồng hay 1.000.900.000 đồng do có sự sai lệch giữa số tiền viết bằng số và bằng chữ thì thấy rằng không có dấu hiệu bôi xóa, dấu chấm được đặt sau chữ số hàng tỷ, hàng triệu, hàng nghìn là đúng thứ tự đơn vị của chữ số. Mặc khác tại phiên tòa sơ thẩm bà H thừa nhận, trước đó bà

Ng có mượn bà 30.000.000 đồng, sau đó chốt khấu trừ số tiền này vào tiền lãi phải đóng cho bà Ng; Theo thỏa thuận lãi là 1,5% trên số tiền là 1.900.000.000 đồng là 28.500.000 đồng. Phù hợp với lời trình bày của bà H là khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng vào tiền lãi. Như vậy có đủ cơ sở xác định số tiền là 1.900.000.000 đồng.

[2.3] Đối với tiền hui lần 1 là 117.900.000 đồng: Như đã phân tích ở trên bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho rằng số tiền này đã được chốt nợ vào giấy nợ ngày 15-11-2022 AL. Bà Ng cũng không thừa nhận lời trình bày của bà H. Do đó lời trình bày của bà H không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền hui lần 2 đăng ngày 25-3-2023. Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận chưa đăng hui cho bà Ng theo giấy đăng hui ngày 25-3-2023 do đó có căn cứ xác định tiền hui bà H nợ bà Ng lần 2 là 118.000.000 đồng như sơ thẩm nhận định. Không có cơ sở xác định số tiền là 69.000.000 đồng.

[2.4] Xét kháng cáo đối với yêu cầu buộc bà Ng trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H bản chính giấy CNQSDĐ số H01274 do UBND huyện D cấp ngày 11-5-2006 cho ông Nguyễn Văn Huông và bà Nguyễn Thị Thu H đối với diện tích 2.368 m² thửa 191, tờ bản đồ 13, tại Phước Lộc A, xã Phước Minh, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên theo như nguyện vọng kháng cáo của bà Hồng nên không có cơ sở xem xét.

Từ các nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà.

Vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 155/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 155/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ng đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ng số tiền 3.231.358.000 (ba tỷ hai trăm ba mươi một triệu ba trăm năm mươi tám nghìn) đồng, trong đó gồm: 2.805.708.000 (hai tỷ tám trăm lẻ năm triệu bảy trăm lẻ tám nghìn) là nợ gốc; 244.050.000 (hai trăm bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền lãi và 181.600.000 (một trăm tám mươi một triệu sáu trăm nghìn) đồng là tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Bà Huỳnh Thị Ng có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H bản chính Giấy CNQSDĐ số H01274 do UBND Huyện D cấp ngày 11/5/2006 cho ông Nguyễn Văn Huông và bà Nguyễn Thị Thu H đối với diện tích đất 2.368m², thửa đất 191, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã Ph, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 96.675.160 (chín mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Ng số tiền 67.938.300 (sáu mươi bảy triệu chín trăm ba mươi tám nghìn ba trăm) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013552 ngày 07 tháng 6 năm 2023, Biên lai thu số 0013720 ngày 17 tháng 7 năm 2023, Biên lai thu số 0013775 ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D

4. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà đã nộp theo Biên lai thu số: 0013949 ngày 05-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. H.D;
- Chi cục THADS. H.D
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Diệp

